

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 90/2021/DS-GĐT

Ngày: 18/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Ông Võ Văn Cường

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Phan Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên của Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 8, tổ 8 ấp Lò Voi, xã P, huyện Ln, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1962. Địa chỉ: quán cà phê vông sân vườn Phương Trinh, tổ 27 đường Phạm Văn Đ, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1958

Địa chỉ: 19 tổ 4, ấp Phước Lâm, xã P, huyện Ln, tỉnh B.

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972

Bà Vũ Thị D, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp Lò Voi, xã P, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 07/10/2007, ông Phạm Văn L có mượn của ông T 20 cây vàng loại vàng nhân 24K, có viết giấy biên nhận và hẹn đến ngày 30/11/2007 sẽ trả số vàng trên, nhưng đến hẹn, ông T nhiều lần yêu cầu ông L trả nhưng ông L hẹn khất lần và không trả.

Nguyên nhân của việc mượn 20 cây vàng là do ông Nguyễn Văn N bán phần

đất cho ông T với giá 40 cây vàng, sau này ông T tìm được người mua đất và ông T có ý định bán lại với giá 60 cây vàng, nên ngày 07/10/2007, ông Phạm Văn L, ông N, bà Vũ Thị D, ông T đã ghi giấy sang nhượng có nội dung: “Tôi Trần Văn T hứa nếu sau này sổ đỏ không xong, hai bên mua bán không thành tôi phải hoàn lại cho chú N hai mươi cây vàng mà tôi đã cầm của chú Toán”. Nếu giao dịch không thành công thì ông T sẽ trả lại cho ông N 20 cây vàng, 20 cây vàng ghi trong giấy sang nhượng đất chính là 20 cây vàng ông T cho ông L mượn để đặt cọc mua đất của ông N, còn ông L có đặt cọc cho ông N không thì ông T không biết. Ông L cũng đồng ý mua đất của ông N với giá 60 cây vàng và giao dịch này đã thành công, nhưng ông L không trả 20 cây vàng cho ông. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn L phải trả cho ông 20 cây vàng loại vàng 24K, quy ra tiền là 740.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông L thừa nhận ông có nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn Văn N với giá 60 cây vàng, ngày 07/10/2007 ông có lập giấy Biên nhận vay của ông T 20 cây vàng để đặt cọc cho ông N nhưng ông L không nhận trực tiếp từ ông T mà ông T giao vàng cho ông N và ông không biết ông T đưa loại vàng gì, phần 40 cây vàng còn lại, ông L đã trực tiếp giao đủ cho ông N. Ông L cho rằng ông đã trả cho ông T 20 cây vàng vào ngày 25/11/2007 (10 cây vàng) và ngày 30/11/2007 (10 cây vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng việc hoàn trả không ghi biên nhận và có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bạch T. Sau này, ông mới biết giá trị thực tế phần đất ông nhận chuyển nhượng là 40 cây vàng. Nay ông L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn N trình bày: Năm 2007, ông chuyển nhượng cho ông T thửa đất với giá 40 cây vàng, nhưng làm giấy sang nhượng thì ông T yêu cầu ông viết sang nhượng cho ông L với giá 60 cây vàng. Ông L trực tiếp đưa cho ông 40 cây vàng, còn 20 cây vàng, ông L viết giấy nhận nợ với ông T. Ông T không đưa 20 cây vàng cho ông N nên ông N mới bắt ông T ghi là nếu hai bên mua bán không thành thì ông T phải trả lại cho ông N 20 cây vàng để ông N trả lại cho ông L. Ông N không biết nội dung 20 cây vàng đang tranh chấp giữa ông T và ông L.

Người làm chứng bà Vũ Thị D trình bày: bà D là vợ ông N, không biết việc bán đất giữa ông T, ông L, ông N nên không ý kiến.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày: bà là bạn của ông L và ông T. Năm 2007, ông T có nói với bà là ông L mượn ông T 20 cây vàng để mua đất nhưng không nói loại vàng gì, bà không biết có viết giấy nợ không. Ông T nhờ bà gọi điện thoại cho ông L đòi nợ giùm. Bà T liên lạc với ông L và được ông L hẹn bà lên Thành phố Hồ Chí Minh để lấy vàng. Ông L hẹn bà lên 2 lần để trả vàng, bà là người trực tiếp nhận vàng sau đó đã lại cho ông T kiểm đếm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Điền quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Phạm Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Văn L phải trả lại cho ông Trần Văn T 20 cây vàng loại 24K, quy ra thành tiền là 740.000.000 đồng, theo nội dung giấy Biên nhận ngày 07/10/2007.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án theo luật định

Ngày 28/11/2019, ông Phạm Văn L kháng cáo và ngày 11/12/2019 kháng cáo bổ sung yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông L, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông T bởi trong giấy biên nhận ngày 07/10/2007 do ông L ký tên đóng dấu với tư cách là Giám đốc Công ty TNHH vận tải biển L, khoản vay là của công ty, không phải khoản vay cá nhân ông L, ông không có trách nhiệm hoàn trả, ông T không được quyền khởi kiện yêu cầu ông thanh toán.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2020/DS-PT ngày 14/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L, Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và đình chỉ giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, thực chất là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

Bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí.

Ngày 17/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 08/8/2020, ông Trần Văn T có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 07/12/2020, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2020/DS-PT ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L hoàn trả 20 cây vàng loại 24K được quy ra thành tiền là 740.000.000 đồng xác định theo nội dung giấy biên nhận ngày 07/10/2007 được lập giữa ông T và ông L, có chữ ký và sự thừa nhận của ông L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong vụ án.

[2]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 07/10/2007, ông T đã yêu cầu ông L lập giấy Biên nhận có nội dung vay 20 cây vàng của ông T. Ông L xác nhận 20 cây vàng đang tranh chấp là do ông T cho ông vay để đặt cọc nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị D với giá chuyển nhượng là 60 cây vàng. Ông T là người giới thiệu việc chuyển nhượng đất cho ông L, đồng thời cho ông L vay 20 cây vàng bằng cách ông T ứng ra 20 cây vàng thay ông L trực tiếp đặt cọc cho ông N để chuyển nhượng đất, 40 cây vàng còn lại, ông L trực tiếp giao cho ông N khi các bên lập giấy tờ mua bán đất. Ông Nguyễn Văn N xác nhận đã chuyển nhượng phần đất cho ông L nhưng thực chất ông chỉ chuyển nhượng và nhận trực tiếp 40 cây vàng do ông L giao, việc lập Giấy chuyển nhượng chênh lệch 20 cây vàng là theo yêu cầu của ông T, việc chuyển nhượng này không có ai đặt cọc mua đất, giữa các bên liên quan không hề giao nhận số vàng 20 cây này nên không ai rõ đó là loại vàng gì. Ông T khởi kiện về việc cho vay vàng nhưng lại không biết rõ mình đã cho ông L vay loại vàng gì, không xác định rõ địa điểm giao vàng, cũng không có chứng cứ nào thể hiện đã trực tiếp giao vàng cho ông L vay. Như vậy, hợp đồng vay tài sản (vàng) giữa ông T, ông L trong vụ án là hợp đồng giả cách, che giấu nội dung giao dịch thực chất bên trong là hợp đồng dịch vụ môi giới mua bán đất, ông T giới thiệu ông L mua đất của ông N, bà D và hưởng lợi phí dịch vụ 20 cây vàng, yêu cầu ông L xác nhận và thanh toán dưới dạng giấy Biên nhận vay 20 cây vàng. Do ông T đã thông tin không đầy đủ và chính xác về giá chuyển nhượng đất và phí dịch vụ trong việc giới thiệu chuyển nhượng đất gây nhầm lẫn trong việc lập giấy Biên nhận vay 20 cây vàng giữa các bên nên việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là quan hệ pháp luật đòi lại tài sản trong hợp đồng vay tài sản (vàng) là không có căn cứ, không xét đúng bản chất vụ việc.

[3]. Mặt khác, ông T quen ông L tại phòng tập gym, từ khi quen biết đến khi giao dịch cho vay chỉ 04 tháng, theo giấy Biên nhận vay 20 cây vàng được lập ngày 07/10/2007 giữa ông T, ông L thì việc vay vàng là không lãi suất, hẹn ngày 30/11/2007, ông L phải trả đủ. Ông L xác nhận có việc vay vàng giữa ông L và ông T thực hiện một lần duy nhất không có giao dịch nào khác nữa, nhưng đến năm 2019, tức 12 năm sau kể từ ngày hẹn trả nợ (ngày 30/11/2007) ông L không trả vàng

như đã hứa, ông T mới khởi kiện đòi lại tài sản là có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp thực tế, không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định quyền sở hữu của ông T đối với số vàng 20 cây theo giấy Biên nhận vay vàng ông T đã yêu cầu ông L lập ngày 07/10/2007 không mặc nhiên được xác lập, bởi các bên hoàn toàn không rõ về loại vàng khi lập giấy tờ xác nhận, không thuộc trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu và không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, hợp nhất năm 2011 và hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi bổ sung, khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quyết định xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là Hợp đồng dịch vụ môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 07/12/2020 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2020/DS-PT ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (để biết);
- TAND huyện Long Điền (để biết);
- CTHADS huyện Long Điền (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA
- VPg.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Cường